

## THỰC VẬT DÂN TỘC HỌC: MỘT BÀI HỌC CHO THẾ HỆ TƯƠNG LAI VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG, NGUYỄN VĂN KIÊN, HOÀNG THỊ ANGA,  
NGUYỄN THỊ NGỌC HUỆ, NGUYỄN TIẾN HÙNG

*Trung tâm Tài nguyên thực vật*

NGUYỄN VĂN DƯ

*Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật*

Cây trồng hoang dại và cây ít sử dụng chiếm 97% loài cây trồng trên thế giới, là nguồn cung cấp 50% hydratcacbon và calo, vi chất dinh dưỡng cũng như tạo sinh kế bền vững cho các hộ nông dân nghèo ở các nước đang phát triển. Đặc biệt, chúng có thể cung cấp một lượng lớn nguồn gen có giá trị cho lai tạo giống cây trồng có khả năng chống chịu với hạn hán, mặn, nhiệt độ thấp và sâu bệnh. Hiện nay, cây lương thực đang bị hạn chế về năng suất, chất lượng và khả năng chống chịu trong khi đó cây hoang dại và cây ít sử dụng vẫn là một vấn đề để ngỏ. Lương thực và khủng hoảng năng lượng cùng với biến đổi khí hậu và các vấn đề an toàn dinh dưỡng ngày càng trở thành thách thức toàn cầu.

Việc quản lý và sử dụng các cây trồng hoang dại và cây ít sử dụng là một đóng góp rất cần thiết để đối phó với những thách thức. Nhưng trước hết là cái nhìn tổng quát của thực vật học dân tộc về sử dụng cây hoang dại và ít sử dụng, đặc biệt là giá trị dinh dưỡng, cách chế biến thô sơ và giá trị sử dụng cuối cùng. Việt Nam nằm ở vùng Đông Nam của bán đảo Đông Dương, nơi có sự đa dạng sinh học cao, là một trong 8 trung tâm đa dạng sinh học trên trái đất (Vavilov, 1951). Mặt khác, với 54 dân tộc khác nhau đã định cư lâu năm và mỗi dân tộc lại có ngôn ngữ, văn hóa riêng biệt, điều này làm cho Việt Nam rất phong phú về văn hóa cũng như kiến thức bản địa, đặc biệt thực vật học dân tộc đã diễn tả rõ nét sự khác nhau về kiến thức giữa các dân tộc trong việc sử dụng các loại cây trồng trong các điều kiện sinh thái khác nhau (Nguyễn Văn Huy và cộng sự, 2009). Kiến thức bản địa là cơ sở cho việc sản xuất nông nghiệp cũng như quản lý tài nguyên thiên nhiên bao gồm cả cây hoang dại và cây ít sử dụng trong cộng đồng. Tuy nhiên trong quá trình công nghiệp hóa, kiến thức bản địa đã được hình thành qua hàng ngàn năm và trải qua nhiều thế hệ đang ngày càng bị xóa, bị lãng quên và mất dần (Hoàng Văn Tý, 1998). Do đó, giới thiệu các kiến thức truyền thống hữu ích sẽ góp phần nâng cao nhận thức, hành động của thế hệ trẻ trong việc bảo tồn nguồn gen thực vật và sử dụng, thúc đẩy sử dụng cây trồng hoang dại và cây ít sử dụng cho các nhu cầu trong tương lai.

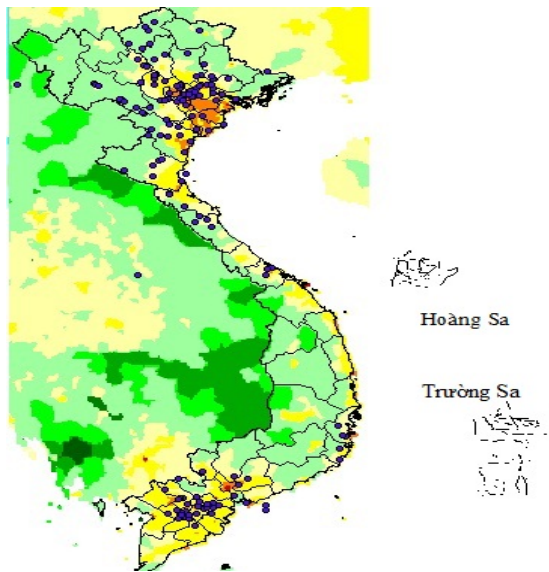
### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng của nghiên cứu là toàn bộ dữ liệu và thông tin lưu giữ trong Ngân hàng gen quốc gia liên quan để thu thập các loài cây trồng được trồng và thu hoạch bởi các dân tộc ở Việt Nam để sinh sống và phát triển cộng đồng.

Trong quá trình điều tra, thu thập nguồn gen cây trồng và kiến thức bản địa, phương pháp được sử dụng là:

- Tham gia đánh giá nông thôn kết hợp với phỏng vấn.
  - + Phỏng vấn trực tiếp những người lưu giữ nguồn gen cây trồng về cách bảo tồn.
  - + Lập lại phỏng vấn.
- Thu thập các thông tin đã ghi chép, form điều tra, tài liệu, phần mềm.
- Phân tích, kiểm tra thông tin và viết bài.

**II. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN**



**Hình 1: Bản đồ phân bố của các nhóm dân tộc và nguồn tài nguyên di truyền cây trồng tại Việt Nam**

Từ dữ liệu của dân tộc học và khảo sát, thu thập các loại cây trồng, chúng tôi đã vẽ một bản đồ phân bố của các nhóm dân tộc và các nhóm cây trồng tại Việt Nam. Kết quả được hiển thị trên Hình 1.

Bản đồ đề cập đến phân bố của 54 dân tộc và các nhóm cây trồng đang được bảo tồn tại Trung tâm Tài nguyên thực vật Việt Nam. Điều này sẽ giúp cho các nhà thực vật học có một hình dung đầy đủ, những suy nghĩ về ngành thực vật học dân tộc tại Việt Nam và nó là nền tảng của những nghiên cứu thành công.

Tuy nhiên, để hiểu rõ hơn phân bố của dân tộc trong các vùng sinh thái nông nghiệp. Từ bản đồ trên, chúng tôi tách dữ liệu và chi tiết chúng trong Bảng 1.

*Bảng 1*

**Phân bố của các nhóm dân tộc tại các vùng sinh thái nông nghiệp của Việt Nam**

Vùng	Tây Bắc	Đông Bắc	Châu thổ sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Châu thổ sông Cửu Long
Số lượng dân tộc	20	19	6	12	12	9	6	5

*Bảng 2*

**Thông số về sự phân bố của các nguồn gen cây trồng được bảo tồn tại Trung tâm Tài nguyên thực vật ở nhiều vùng sinh thái của Việt Nam**

TT	Vùng sinh thái /Loại cây trồng	Số lượng mẫu	Số lượng mẫu /số loài							
			Tây Bắc	Đông Bắc	Châu thổ sông Hồng	Bắc Trung Bộ	Nam Trung Bộ	Tây Nguyên	Đông Nam Bộ	Châu thổ sông Cửu Long
1.	Ngũ cốc	11955	2257/6	1775 /9	2777 /9	1231 /6	267 /3	337 /5	370 /5	2941 /3
2.	Rau và gia vị	4645	1635/58	919 /57	848 /51	533 /37	77 /29	332 /50	162 /42	139 /30
3.	Cây lấy củ	2625	510 /19	625 /17	892 /13	313 /13	96 /8	30 /6	107 /7	52 /7
4.	Cây họ đậu	3479	932 /18	645 /28	1053 /33	444 /18	75 /10	141 /15	128 /12	61 /11
5.	Cây ăn quả và loại khác	4094	259 /44	497 /74	587 /82	269 /24	91 /17	472 /28	1182 /36	737 /53

Bảng 1 giới thiệu sự phân bố của 54 nhóm dân tộc trong 8 vùng sinh thái nông nghiệp tại Việt Nam như Tây Bắc, Đông Bắc, đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ, Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Đông Nam Bộ và đồng bằng sông Cửu Long lần lượt tương ứng là 20 dân tộc, 19 dân tộc, 6 dân tộc, 12 dân tộc, 12 dân tộc, 9 dân tộc, 6 dân tộc và 5 dân tộc. Mặt khác, các dữ liệu và thông tin chi tiết về phân phối của các nhóm cây trồng đã thu thập được bảo tồn tại Trung tâm Tài nguyên thực vật cũng được thể hiện trong Bảng 2.

Bảng 2 cho chúng ta thấy số lượng của các nhóm cây trồng như cây ngũ cốc, cây rau và gia vị, cây lấy củ, cây họ đậu, cây ăn quả và các loại cây khác; chúng đã được thu thập và bảo tồn tại Trung tâm Tài nguyên thực vật. Và nét đặc trưng nổi bật của cây trồng và nghề làm vườn là theo mùa, nó được thể hiện qua Bảng 3. Nói chung, có 4 mùa ở miền Bắc và 2 mùa ở miền Nam, đó là tương ứng với khoảng thời gian của một năm trong 2 vùng khí hậu của Việt Nam. Hơn nữa, mùa sẽ thay đổi tùy thuộc vào cây trồng, phong tục và các hệ thống canh tác ở mỗi khu vực, dân tộc.

Tiếp theo, chúng tôi xin giới thiệu về sự tổng hợp và phân tích thông tin trong kiến thức truyền thống của các dân tộc khác nhau trong sử dụng tài nguyên thực vật để đáp ứng nhu cầu của họ. Điều này giải thích rằng, tại sao kiến thức là một bài học quý giá cho thế hệ tương lai tại Việt Nam. Bởi vì nó cung cấp thông tin cần thiết cho sự tồn tại của người dân bằng cách thức đơn giản nhất.

Bảng 3

Mùa vụ ở miền Bắc và miền Nam của Việt Nam

TT	Vùng	Tháng											
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1.	<b>Phía Bắc</b>												
	Hè - Thu					x	x						
	Thu - Đông							x	x				
	Đông - Xuân									x	x		
	Xuân - Hè	x											x
2.	<b>Phía Nam</b>												
	Mùa mưa					x	x	x	x	x	x		
	Mùa khô	x	x	x	x							x	x

Bảng 4

Mục đích sử dụng các nhóm cây trồng của các dân tộc ở Việt Nam

TT	Mục đích sử dụng	Dân tộc
1.	Lương thực	Tất cả
2.	Rau và gia vị	Tất cả
3.	Đồ uống	Kinh, Tày, Nùng, Mường
4.	Thuốc	Tất cả
5.	Thuốc nhuộm	Dân tộc thiểu số
6.	Cây cảnh	Hầu hết các dân tộc
7.	Chất xơ	H'Mông, Dao, Thái, Êđê
8.	Gỗ	Tất cả
9.	Thức ăn gia súc	Tất cả
10.	Làm đồ thủ công mỹ nghệ	Một vài dân tộc

Dựa trên các thông tin và dữ liệu của các form thu thập, chúng tôi đã tổng hợp được các mục đích sử dụng tài nguyên thực vật của các dân tộc ở Việt Nam và được trình bày trong Bảng 4. Chính mục đích sử dụng thực vật để làm thực phẩm, rau/ gia vị và thuốc chữa bệnh, nhu cầu

thiết yếu của mỗi người. Sau đó làm đồ uống, thuốc nhuộm, trang trí, chất xơ, thức ăn, gỗ và thủ công mỹ nghệ. Hầu hết các dân tộc khác nhau có những cách sử dụng khác nhau cũng như các kiến thức truyền thống về chế biến của họ (Nguyễn Đức Chính, Vũ Linh Chi và Nguyễn Thị Ngọc Huệ, 2010). Mặt khác, các bộ phận của cây được sử dụng cho mục đích khác nhau và được giới thiệu trong Bảng 5.

Bảng 5

**Mục đích sử dụng các bộ phận của cây trồng**

Mục đích sử dụng các phần của cây	Rễ và các phần khác	Thân và các phần khác	Lá và hoa	Hoa và quả	Tất cả
Lương thực	x			x	
Rau và gia vị	x	x	x	x	
Đồ uống	x	x	x	x	
Thuốc	x	x	x	x	
Thuốc nhuộm	x	x		x	
Cây cảnh		x			x
Chất xơ		x		x	
Gỗ	x	x			
Thức ăn gia súc	x	x	x	x	
Làm đồ thủ công mỹ nghệ	x	x	x	x	

Bảng 6

**Cách chế biến nguyên liệu và bảo quản sau thu hoạch của các dân tộc ở Việt Nam**

Các cách Loại	I	II	III
Hạt	Làm khô và làm sạch hạt giống, bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát	Làm sạch hạt (vẫn giữ nguyên bông lúa, bắp ngô...) và bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát	
Rễ và thân củ, các loại khác	Phân tách và làm sạch rễ củ/ thân củ và bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát	Làm sạch rễ củ/thân củ với một phần của cây và bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát	Nghiền nát và ủ thành đồng

Bảng 7

**Cách để giống của các dân tộc Việt Nam**

Các cách Loại bảo quản	I	II	III
Hạt giống	Tách hạt, làm sạch hạt giống và bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát	Làm sạch hạt giống bao gồm cả phần chứa hạt, để giống nơi khô ráo và thoáng mát	
Rễ và thân củ, các loại khác	Tách thành từng củ riêng biệt, làm sạch và bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát	Để nguyên cả cụm, làm sạch và bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát	Bảo quản trong bóng tối

Như trên, các bộ phận của cây được sử dụng cho mục đích chủ yếu bao gồm làm rau/ gia vị, làm thuốc. Vì vậy, khi con người cần cây rau/gia vị, cây thuốc có thể được cung cấp bởi những cây trồng sẵn có. Nhưng thực phẩm lại là vấn đề khó khăn của các dân tộc. Thông qua đây, chúng tôi cũng đề cập đến cách thức chế biến nguyên liệu và bảo quản sau thu hoạch và được trình bày trong Bảng 6.

Từ Bảng 6 cho thấy rằng, có một cách để chế biến nguyên liệu và lưu giữ lượng tinh bột của rễ củ và thân củ để sử dụng sau đó. Đó là đem rễ củ/thân củ sấy và dong riêng nghiền nát, ủ thành đống. Cách này có thể lưu giữ được lượng tinh bột của sấy, dong riêng trong vài năm để chế biến sau đó. Và cuối cùng, chúng tôi giới thiệu một số cách để giống trồng vụ sau của các dân tộc ở Việt Nam.

Trong Bảng 7, việc bảo quản giống rễ củ/ thân củ để trồng cho vụ sau của các dân tộc là rất dễ dàng và hiệu quả. Bởi vì trong điều kiện độ ẩm thấp và không có mưa, việc bảo quản rễ củ và thân củ trong điều kiện đó sẽ giúp chống lại tấn công của sâu bệnh và đảm bảo được chất lượng.

### III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kiến thức truyền thống về sử dụng tài nguyên di truyền thực vật là rất đa dạng, phong phú và riêng biệt tại Việt Nam bởi tính chất, đặc điểm dân tộc, nhưng rải rác, phân tán và không có hệ thống. Kiến thức truyền thống của các dân tộc Việt Nam đã giúp các cộng đồng dân tộc tồn tại qua hàng trăm năm trong điều kiện môi trường bất lợi, như vậy thực vật học dân tộc cần được tăng cường và phát triển bởi các thể hệ trẻ.

Cần nhanh chóng khảo sát, thu thập và phát triển hệ thống kiến thức truyền thống của thực vật học dân tộc của các dân tộc tại Việt Nam; đẩy mạnh truyền tải kiến thức của thực vật học dân tộc vào kiến thức về khoa học và công nghệ để dễ dàng được chấp nhận và áp dụng vào thực tế cuộc sống; tăng cường nhận thức và hành động của các thể hệ trẻ trong việc bảo tồn và sử dụng kiến thức của thực vật học dân tộc.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Hoàng Xuân Tý**, 1998: Đánh giá kiến thức bản địa của đồng bào dân tộc trong nông nghiệp và quản lý tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam. NXB. Nông nghiệp.
2. **Nguyễn Đức Chinh, Vũ Linh Chi, Nguyễn Thị Ngọc Huệ**, 2010: *Tạp chí Khoa học nông nghiệp Việt Nam*.
3. **Nguyễn Văn Huy, Lê Duy Đại, Nguyễn Quý Thảo, Vũ Xuân Thảo**, 2009: Đại gia đình các dân tộc Việt Nam. NXB. Giáo dục.
4. **Vavilov N.I.**, 1951: *Soil Science*, journals.lww.com.

### ETHNOBOTANY ON USAGE OF PLANT GENETIC RESOURCES: A LESSON FOR FUTURE GENERATIONS IN VIETNAM

NGUYEN THI THUY HANG, NGUYEN VAN KIEN, HOANG THI NGA,  
NGUYEN THI NGOC HUE, NGUYEN TIEN HUNG, NGUYEN VAN DU

#### SUMMARY

Neglected and underutilized crops (NU crops) account for 97% species of crops in the world, supply 50% hydrocarbon and calories, most other micronutrients as well as creating sustainable livelihood for poor farmers in developing countries. NU crops can serve as an invaluable source of genes for breeding of crop varieties tolerant/resistant to drought, saline, low temperature and pests. Current staple crops are of limited yields, quality and tolerance/resistance while neglected and underutilized crops are still the open windows. Food and energy crisis, together with climate change and nutrient safety issues increasingly become globally challenges.

The management and use of the NU crops is very necessary in the contribution to coping with the challenges but the first step is an overview of ethnobotany on usage of the NU crops, especially in term of nutrients, raw processing and end user values. The presentation will introduce the traditional knowledge of the value and exploration measures of the NU crops in Viet Nam.